ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5241 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018, Quyết định số 5347/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ, bổ sung nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 200/BXD-QLKT ngày 31 tháng 12 tháng 2019 của Bộ Xây dựng góp ý quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 7040/SXD-QH ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 (kèm theo Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Hoằng Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ các xã Hoằng Tiến, Hoằng Hải, Hoằng Trường và một phần các xã Hoằng Thanh, Hoằng Phụ, Hoằng Phong. Ranh giới cụ thể, như sau:

- Phía Bắc giáp: Sông Lạch Trường;

- Phía Nam giáp: Cửa Lạch Hới;

- Phía Đông giáp: Biển Đông;

- Phía Tây giáp: Các xã Hoằng Yến, Hoằng Ngọc, Hoằng Thanh, Hoằng Đông, Hoằng Phụ, Hoằng Phong, Hoằng Châu.

2. Tính chất, chức năng

Là đô thị loại V, một trong những trọng điểm du lịch biển tỉnh Thanh Hóa với các loại hình du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; là trung tâm dịch vụ thương mại, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy - hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

3. Quy mô

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng khoảng 27.989 người; dự báo dân số đô thị đến năm 2030 khoảng 60.000 người.

- Quy mô đất đai: Tổng diện tích quy hoạch: 2.600 ha.

4. Định hướng phát triển không gian đô thị

4.1. Định hướng phát triển không gian, cải tạo đô thị

- Hướng phát triển chính: Theo hướng Tây và Nam.

- Kết nối hữu cơ với thành phố Sầm Sơn để hình thành dải du lịch ven biển từ Hải Tiến đến Nghi Sơn. Dựa trên các liên kết hiện có gắn kết phát triển du lịch biển với các thành phần kinh tế khác của đô thị để phát triển toàn diện kinh tế đô thị Hải Tiến và khu vực các xã ven biển còn lại, hướng tới việc hình thành đô thị loại 4 gồm 8 xã ven biển Hoằng Hóa trong tương lai sau năm 2030.

- Hình thái đô thị: Đô thị ven biển phát triển theo mô hình du lịch, sinh thái bền vững.

4.2. Phân khu chức năng

* Khu A: Khu dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp ven núi, du lịch cộng đồng và cảng tổng hợp Hoằng Trường.

- Vị trí tại khu vực phía Bắc;

- Diện tích: 616 ha;

- Dự kiến dân cư đô thị: 15.000 người

- Tính chất: Là khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp, du lịch cộng đồng và du lịch tâm linh, khu chế xuất thủy hải sản và dịch vụ cảng tổng hợp.

* Khu B: Khu trung tâm dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển

- Vị trí: Phía Đông đường Trường Phụ, trải dài dọc bờ biển từ Hoằng Trường đến Hoằng Phụ. Hướng phát triển là cải tạo, nâng cấp và một phần xây dựng mới;

- Diện tích: 392 ha;

- Dự kiến dân cư đô thị: 8.000 người;

- Tính chất: Là trung tâm dịch vụ du lịch gồm: các dịch vụ phục vụ du lịch, các khu nghỉ dưỡng, các hoạt động du lịch ven biển, vui chơi trên biển và khu ở hiện có.

* Khu C - Khu dân cư trung tâm đô thị

- Vị trí: Phía Tây đường Trường Phụ;

- Diện tích: 642 ha;

- Dự kiến dân cư đô thị: 17.000 người;

- Tính chất: Là khu trung tâm hành chính chính trị, thương mại, dân cư của đô thị.

* Khu D – Quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Nam Hải Tiến

- Vị trí: Phía Nam khu vực;

- Diện tích: 942 ha;

- Tính chất: Là quần thể đô thị du lịch (các khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển, các khu ở cao cấp kết hợp với các hoạt động thể thao, trung tâm tổ chức sự kiện, hội nghị, trung tâm dịch vụ,vui chơi, giải trí, văn hóa…).

- Dự kiến dân cư đô thị: 20.000 người.

4.3. Các khu chức năng chính đô thị

4.3.1. Hệ thống các trung tâm.

a) Trung tâm hành chính đô thị:

Giai đoạn đầu sử dụng khu công sở xã Hoằng Tiến là trung tâm hành chính chính trị đô thị. Quỹ đất khu vực phía sau đất quảng trường cho xây dựng các công trình cơ quan hành chính đô thị sau này. Các công sở xã Hoằng Trường, Hoằng Hải chuyển đổi thành đất công cộng đơn vị ở số 1 và số 2.

b) Các trung tâm chuyên ngành:

* Trung tâm thương mại và dịch vụ hỗn hợp:

- Các công trình dịch vụ thương mại, dịch vụ hỗn hợp được tổ chức dọc các tuyến đường chính đô thị, nơi có lưu lượng giao thông lớn nhằm đảm bảo cho sự lưu thông và kết nối hiệu quả với các khu vực lân cận, phát huy triệt để tính năng của công trình để hình thành các tuyến phố thương mại, tạo điểm nhấn cho đô thị nhưng vẫn đảm bảo khoảng cách sử dụng cho người dân.

- Các công trình thương mại và dịch vụ hỗn hợp: Bố trí dọc tuyến Bắc Nam 3, khu vực cống Phúc Ngư, trên tuyên đường Hải Tiến đi Quốc lộ 1 (TL510), tuyến Hải Yến, dọc tuyến kênh Trường Phụ (trục ánh sáng) và một số điểm trên tuyến đường giao thông chính đô thị.

- Chợ: Xây dựng mới chợ Hón thành chợ hạng 2 (chợ đô thị) tại khu vực đồng Cồn Chúc xã Hoằng Hải; 1chợ dân sinh hạng 3 tại khu chế biến đông lạnh cũ của xã Hoằng Trường, 1chợ dân sinh trên tuyến đường Bắc Nam 3, phía Bắc công trình hỗn hợp dọc trục Phong Phụ. Nâng cấp chợ du lịch Hải Tiến hiện tại, đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, cũng như là công trình tạo điểm nhấn cho đô thị.

* Trung tâm giáo dục đào tạo:

- Hệ thống giáo dục đô thị (trường PTTH và giáo dục dạy nghề) nằm phía Bắc khu quy hoạch TDTT, phục vụ cho 30.000 dân phía Bắc và một trường THPT trong quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Nam Hải Tiến, phục vụ cho 30.000 dân cư phía Nam.

- Hệ thống các trường thuộc đơn vị ở (mẫu giáo, tiểu học, THCS) được tổ chức hợp lý dựa trên hệ thống các trường học hiện có và các cụm trường liên cấp xây mới phục vụ cho 60.000 dân cư đô thị.

* Trung tâm y tế:

- Mở rộng, nâng cấp trạm y tế xã Hoằng Tiến (khu C) thành hệ thống trung tâm y tế đô thị.

- Các công trình trạm y tế hiện tại của các xã Hoằng Trường, Hoằng Hải được giữ nguyên, tổ chức thêm các trạm y tế khu vực phía Nam(khu D) nhằm đảm bảo bước khám và sơ cứu ban đầu cho nhân dân trong đô thị.

* Trung tâm Văn hóa - TDTT:

- Tổ chức một khu trung tâm Văn hóa - TDTT phía Bắc trường tiểu học Lê Xuân Lan, gắn với khu công viên đô thị, phục vụ cho khu vực phía Bắc và khu vực trung tâm đô thị. Một khu trong quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Nam Hải Tiến phục vụ khu vực phía Nam. (Các công trình: Nhà thi đấu đa năng, bể bơi, bảo tàng văn hóa, công viên nghệ thuật, công viên thực tế ảo… theo ý tưởng tổng thể của khu vực quần thể đô thị sẽ được tổ chức vào phần diện tích ngoài đê khi phương án điều chỉnh tuyến đê sông Mã, đê biển huyện Hoằng Hóa và tuyến đê Đông, Tây sông Cung được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận).

- Các công trình nhà văn hóa khu phố được bố trí hợp lý cho từng khu phố và các sân thể thao phục vụ cho đơn vị ở bố trí tại các trung tâm đơn vị ở đảm bảo bán kính phục vụ cho nhu cầu sử dụng của nhân dân.

4.3.2. Hệ thống cây xanh, mặt nước và không gian mở.

* Hệ thống cây xanh đô thị bao gồm:

- Công viên cây xanh vui chơi giải trí đô thị: tổ chức tại khu vực trung tâm của đô thị, phía Tây tuyến đường kênh Trường Phụ và khu vực phía Nam trong quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Nam Hải Tiến.

- Hệ thống cây xanh rừng phòng hộ ven biển xã Hoằng Phụ, rừng phòng hộ môi trường trên núi Linh Trường.

- Hệ thống các công viên cây xanh được hình thành từ các khu nghĩa địa trong khu vực đô thị được di dời.

- Hệ thống không gian mở:

- Các khu vực Quảng Trường (Quảng trường hành chính trên trục đường 510, quảng trường văn hóa tại khu vực chân núi Linh Trường, quảng trường biển tại khu vực cửa biển Hoằng Hải và cửa biển Hoằng Phụ); khu vực sông, kênh, hồ cảnh quan, đặc biệt là không gian cây xanh tập trung, rừng phòng hộ là những không gian mở cho đô thị.

4.3.3. Các khu dân cư đô thị.

- Khu dân cư thuộc khu đô thị hiện hữu: Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn cho dân cư đô thị. Hạn chế tối đa việc can thiệp quá mạnh vào khu vực này nhằm đảm bảo sự ổn định cho việc an sinh của dân cư hiện hữu.

- Khu dân cư đô thị mới hiện đại tại khu vực phía Nam đô thị (khu D), thuộc đất nuôi trồng thủy sản hiện tại của dân cư Hoằng Phụ.

- Khu dân cư tái định cư cho các hộ trong diện giải phóng mặt bằng tuyến đường 510 B và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật có vị trí nằm ở phía Tây đường Trường Phụ khu vực đồng Mã Bê, đồng Rộc Xoài, đồng Ao Đông và khu vực phía Tây, phía Nam đền thờ Tô Hiến Thành.

- Các hộ dân thuộc các dự án khác chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí hợp lý.

4.3.4. Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Được giữ gìn, tôn tạo, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của dân cư đô thị và được xây dựng thành sản phẩm du lịch tâm linh cho du khách.

4.3.5. Khu vực quốc phòng an ninh: Được giữ nguyên và không xây dựng các công trình đô thị khác vào khu vực.

4.3.6. Các khu khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản và neo đậu tàu thuyền.

Các khu vực này cần được duy trì nhằm đảm bảo khả năng tự lực kinh tế của đô thị và để đảm bảo sinh kế của ngư dân. Bao gồm cảng tổng hợp Hoằng Trường và hậu cần cảng, khu chế biến hải sản xuất khẩu và kho đông lạnh.

- Khu vực neo đậu tàu thuyền của ngư dân hiện được quy hoạch tại 4 điểm: Điểm 1, vị trí là nơi neo đậu tàu thuyền hiện tại của xã Hoằng Trường; Điểm 2 tại khu vực phía Bắc khu du lịch Linh Trường; Điểm 3 tại vị trí neo đậu hiện tại của xã Hoằng Thanh; Điểm 4 tại phía Bắc của xã Hoằng Phụ. Bố trí 2 khu để ngư cụ cho ngư dân tại vị trí phía trước khu đất của doanh nghiệp Đồng Hương xã Hoằng Thanh và phía trước khu đất du lịch Linh Trường tại xã Hoằng Trường.

- Khu vực nuôi trồng thủy sản ngoài đê xã Hoằng Phụ được duy trì và phát triển thành một trong những sản phẩm của du lịch trải nghiệm của du khách và cũng là quỹ đất dự trữ cho phát triển các chức năng khác của đô thị. Khi có được sự chấp thuận về phương án điều chỉnh tuyến đê sông Mã, đê biển Hoằng Phụ và đê Đông, Tây sông cung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì có thể nghiên cứu chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu vực này nhằm đem lại hiệu quả cao hơn cho phát triển kinh tế cũng như tiện nghi xã hội cho đô thị.

- Dự án cụm công nghiệp Hoằng Phụ chuyển đổi sang đất dịch vụ du lịch.

4.3.7. Khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí:

- Ven biển phía Đông đường 22m hiện có, dọc từ Hoằng Trường đến Hoằng Phụ và khu dịch vụ nghỉ dưỡng sinh thái gắn với vui chơi giải trí mạo hiểm và khám phá núi Linh Trường tại hồ Đồng Nửng.

4.4. Các khu vực dự trữ phát triển

- Những khu vực đồng lúa và trồng màu phía Tây của đô thị. Trong giai đoạn đến năm 2030 những khu vực này vẫn là đất sản xuất nông nghiệp của dân cư với hình thức sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm cung cấp nguồn thực phẩm xanh cho du lịch cũng như dân cư trong khu vực.

4.5. Các khu vực hạ tầng kỹ thuật

- Công trình nhà máy nước tại khu vực xã Hoằng Tiến cung cấp nước sạch cho 8 xã vùng ven biển.

- Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (xử lý nước thải và trạm điện): Tại khu vực đồng Cơm mới, khu vực gần nghĩa địa Cồn Nghè và 2 khu vực tại quần thể đô thị du lịch Nam Hải Tiến.

- Bến xe đô thị bố trí đối diện với khu đền thờ Tô Hiến Thành, phía Đông kênh Trường Phụ. Các khu vực bãi đỗ xe phục vụ du lịch bố trí hợp lý trên các tuyến đường giao thông xuống biển.

4.6. Quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

STT	Loại đất	Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	**2600.0**	**2600.0**
A	**ĐẤT DÂN DỤNG**	**799.8**	**840.9**
1	Đất ở	638.7	671.5
1.1	Đất dân cư hiện trạng cải tạo, xem cư	379.1	379.1
1.2	Đất dân cư hiện trạng – du lịch cộng đồng	73.2	73.2
1.3	Đất dân cư tái định cư	15.9	15.9
1.4	Đất dân cư phát triển mới	170.5	203.3
2	Đất công cộng	69.1	72.3
2.1	Đất công cộng đô thị	44.7	44.7
2.2	Đất công cộng đơn vị ở	24.4	27.6
3	Đất trường PTTH, dạy nghề	3.1	8.2
4	Đất cây xanh	88.9	88.9
4.1	Đất cây xanh đô thị	44.1	44.1
4.2	Đất cây xanh đơn vị ở	44.8	44.8
B	**ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG**	**415.3**	**420.0**
1	Đất công nghiệp	14.5	14.5
1.1	Đất cảng tổng hợp	8.2	8.2
1.2	Đất cảng Hoằng Phụ	4.9	4.9
1.3	Đất hậu cần nghề cá	1.4	1.4
2	Đất hành chính, cơ quan	8.1	12.8
2.1	Đất hành chính	1.9	1.9
2.2	Đất cơ quan, trụ sở doanh nghiệp	0.0	4.7
2.3	Đất trung tâm nghiên cứu giống, thủy sản	6.2	6.2
3	Đất y tế	3.2	3.2
4	Đất dịch vụ du lịch	273.3	273.3
5	Đất di tích, tông giáo, tín ngưỡng	4.1	4.1
6	Đất công trình đầu mối HTKT	15.1	15.1
7	Đất cây xanh	34.4	34.4
7.1	Đất thể dục thể thao	19.4	19.4
7.2	Đất cây xanh cảnh quan	15.0	15.0
8	Đất hỗn hợp	47.4	47.4
9	Đất an ninh quốc phòng	15.2	15.2
C	**ĐẤT GIAO THÔNG**	**266.2**	**266.2**
D	**ĐẤT KHÁC**	**1118.7**	**1072.9**
1	Đất nuôi trồng thủy sản	630.2	584.4
2	Đất đồi núi, rừng phòng hộ	185.0	185.0
3	Đất bãi cát ven biển	86.8	86.8
4	Mặt nước	216.7	216.7

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

- Độ dốc nền trung bình i = 0,003÷ 0,005.

- Khu vực xây dựng mới cao độ nền tối thiểu: 3,0m; Cao độ đê: 5,0m;

- Khu vực dân cư hiện trạng giữ nguyên cao độ nền hiện có (san lấp cục bộ) tránh ngập úng.

- Hướng san nền chính: hướng Đông Tây; trục tiêu thủy: kênh Trường Phụ.

b) Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải

- Lưu vực 1 (Lưu vực phía Bắc): Diện tích lưu vực khoảng 640ha; nước mưa trong khu vực được thoát theo 2 hướng cơ bản là hướng Bắc Nam theo kênh Trường Phụ, từ đó thoát ra Lạch Hới và hướng Đông Tây thoát trực tiếp ra biển Đông theo cống Phúc Ngư;

- Lưu vực 2 (Lưu vực phía Tây): Diện tích lưu vực khoảng 505ha; Hướng thoát chính theo kênh Trường Phụ, từ đó thoát ra Lạch Hới;

- Lưu vực 3 (Lưu vực phía Đông): Diện tích lưu vực khoảng 485ha; Hướng thoát chính theo kênh Trường Phụ, từ đó thoát ra Lạch Hới;

- Lưu vực 4 (Lưu vực phía Nam): Diện tích lưu vực khoảng 380ha; hướng thoát chính theo kênh Trường Phụ, sông Cung, từ đó thoát ra Lạch Hới.

5.2. Quy hoạch giao thông

- Mật độ đường giao thông đô thị đảm bảo = 3,0 - 3,5km/km2.

- Tỷ lệ đất giao thông đô thị đạt từ 18% tổng đất xây dựng đô thị.

a) Giao thông đối ngoại

- Đường Hoằng Yến - Hoằng Trường: Lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ=20,5m; Đoạn từ cảng đến bia chiến thắng Lạch Trường có quy mô mặt cắt ngang (MCN 18’-18’): Lòng đường 11,5m; hè 7,0mx2; CGĐĐ=25,5m;

- Đường Đông Tây 1 (MCN 13-13): Lòng đường 7,5mx2; phân cách giữa 5,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 30,0m;

- Đường Hoằng Yến - Hoằng Hải (MCN 9-9): Lòng đường 11,0mx2; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 32,0m;

- Đường Đông Tây 3 (MCN 13-13): Lòng đường 7,5mx2; phân cách giữa 5,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 30,0m;

- Đường tỉnh 510B:

+ Đoạn từ đường Bắc Nam 3 (khách sạn Sao Biển) đến đường Trường Phụ (MCN 3-3): lòng đường 12,5mx2; phân cách giữa 3,0m; hè 6,0mx2; CGĐĐ = 40,0m;

+ Đoạn từ đường Trường Phụ đến đường kênh Trường Phụ (MCN 8-8): lòng đường 8,5mx2; phân cách giữa 3,0m; hè 6,0mx2; CGĐĐ = 32,0m;

+ Đoạn từ đường kênh Trường Phụ đến hết phạm vi lập quy hoạch (đường Bắc Nam 8; MCN 14-14): lòng đường 7,5mx2; phân cách giữa 3,0m; hè 4,0mx2; CGĐĐ = 26,0m;

- Đường Thịnh Đông kéo dài (MCN 6-6): lòng đường 10,5mx2; phân cách giữa 5,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 36,0m;

- Đường Phong Phụ là tuyến nối khu vực Nam Hải tiến đi đường bộ Ven biển, kết nối với định hướng tuyến Đại lộ Bắc sông Mã đi thành phố Thanh Hóa. Tuyến được thiết kế với quy mô mặt cắt ngang (MCN 1-1): lòng đường 11,5mx2; phân cách giữa 10,0m; phân cách bên 2,0mx2; đường bên 7,0mx2; hè 8,0mx2; CGĐĐ = 67,0m.

b) Giao thông khu vực đô thị:

* Các tuyến đường khu vực hướng Bắc - Nam:

- Tuyến cảnh quan ven biển chạy dọc từ khu vực bia chiến thắng Lạch Trường đến Trạm KS Biên Phòng, có quy mô mặt cắt ngang các đoạn như sau:

+ Đoạn từ khu vực bia chiến thắng Lạch Trường đến cống Phúc Ngư (MCN 16'-16'): lòng đường 7,5mx2; hè 4,0mx2; CGĐĐ = 23,0m;

+ Đoạn từ cống Phúc Ngư xuống đến cửa biển Hải Tiến tổ chức đường đi bộ, lòng đường từ 5,5m-7,5m tùy vào từng vị trí của các dự án hiện có dọc biển.

+ Đoạn từ cửa biển Hải Tiến đến đường Đông Tây 8 (MCN 17'-17'): lòng đường 6,0mx2; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 22,0m;

+ Đoạn từ đường Đông Tây 8 đến Trạm KS Biên Phòng (MCN 5-5): lòng đường 11,25mx2; phân cách giữa 3,0m; hè 6,0mx2; CGĐĐ = 37,5m;

- Đường Bắc Nam 3: đoạn từ đường Hoằng Trường 3 đến Đường tỉnh 510B (MCN 16-16): lòng đường 7,5mx2; hè 3,5mx2; CGĐĐ = 22,0m. Đoạn

từ Đường tỉnh 510B đến đường Thịnh Đông kéo dài (MCN 17-17): lòng đường 6,0mx2; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 22,0m. Đoạn từ đường Thịnh Đông kéo dài đến đường Phong Phụ (MCN 18-18): lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Đường Trường Phụ: có quy mô mặt cắt ngang (MCN 18-18): lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Đường Bắc Nam 4: có quy mô mặt cắt ngang (MCN 7-7): lòng đường 10,5mx2; phân cách giữa 3,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 34,0m;

- Đường kênh Trường Phụ: đoạn từ đường Đông Tây 1 đến Đường tỉnh 510B (MCN 2-2): lòng đường 7,5mx2; hè phía kênh 3,0mx2; kênh Trường Phụ 20,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 51,0m;. Đoạn từ Đường tỉnh 510B đến đường Thịnh Đông kéo dài (MCN 10-10): lòng đường 7,5mx2; kênh Trường Phụ 7,0m; hè 5,0mx2; CGĐĐ=32,0m;. Đoạn từ đường Thịnh Đông kéo dài đến đường Phong Phụ (MCN 4-4): lòng đường 11,25mx2; hè 8,0mx2; CGĐĐ= 38,5m;

- Các tuyến Bắc Nam 5, Bắc Nam 6 (MCN 15-15); lòng đường 7,5mx2; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 25,0m.

* Các tuyến đường khu vực hướng Đông - Tây:

- Các tuyến Đông Tây 2, Hoằng Tiến 4, Đông Tây 4, Đông Tây 5, Đông Tây 8, Hoằng Phụ 1, Hoằng Phụ 5: có quy mô mặt cắt ngang (MCN 18-18): lòng đường 10,5m; hè 5,0mx2; CGĐĐ = 20,5m;

- Trên cơ sở bộ khung là các tuyến giao thông chính trên, xây dựng các tuyến đường nội bộ khu vực theo dạng ô bàn cờ phù hợp với các tuyến giao thông hiện trạng, các tuyến đang thực hiện dự án, với quy mô mặt cắt ngang (MCN 18-18, 19-19 & 20-20): lòng đường 7,0m-10,5m; hè (3,0m-5,0m)x2; CGĐĐ = 13,0m-20,5m;

c) Giao thông tĩnh

- Bãi đỗ xe: bố trí 06 bãi đỗ xe tập trung trong khu vực. Tổng diện tích khoảng 12,2ha; cụ thể:

+ Bãi phía Bắc đường Thịnh Đông kéo dài: diện tích khoảng 3,5ha;

+ Bãi phía Bắc đường Đông Tây 4: diện tích khoảng 1,0ha;

+ Bãi phía Nam đường Đông Tây 1: diện tích khoảng 1,9ha;

+ Bãi phía Nam đường Hoằng Yến - Hoằng Hải: diện tích khoảng 0,9ha;

+ Bãi phía Nam đường Phong Phụ: diện tích khoảng 2,3ha;

+ Bãi phía Bắc đường Hoằng Phụ 5: diện tích khoảng 2,1ha;

- Ngoài ra, bố trí quỹ đất xây dựng bãi đỗ xe kết hợp với các khu vực chức năng đô thị, tùy theo nhu cầu cụ thể.

* Về cảng, bến thủy nội địa:

- Cảng Lạch Trường: được xây dựng trên cơ sở đầu tư nâng cấp cảng cá Lạch Trường thành cảng hàng hoá, hành khách phục vụ du lịch. Lượng hàng thông qua cảng dự kiến 150.000 tấn/năm.

- Bến Hoằng Phụ trên kênh Choán: bến đang được xây dựng; được quy hoạch là bến tổng hợp với công suất 50.000 tấn/năm, tàu trọng tải tối đa 100 tấn có thể lưu thông qua bến.

5.3. Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc

a) Cấp điện:

- Nhu cầu sử dụng: 56 MVA;

- Nguồn: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn từ trạm 110kV Hoằng Hóa S = 2x40 MVA và trạm trung gian Hoằng Ngọc S = 2x5600kVA. Giai đoạn sau xây dựng 1 trạm biến áp 110KV Hoằng Hóa 2 có S= 40MVA cấp điện cho đô thị và khu vực lân cận, vị trí TBA dự kiến tại xã Hoằng Yến.

- Lưới điện: Phát triển lưới điện hạ thế gắn với các tuyến trung thế và trạm biến áp xây mới để cấp điện cho các khu dân cư, để đảm bảo chỉ tiêu đã đạt được là 100% hộ dân được sử dụng điện. Đối với công tác cải tạo lưới hạ thế, cần tiến hành từng bước thay thế các đường dây hạ thế đã cũ tuổi thọ lớn, dây dẫn có tiết diện quá nhỏ hoặc sử dụng các loại trụ không đúng quy cách.

b) Thông tin liên lạc:

- 100% số hộ gia đình có máy điện thoại.

- 40% - 50% số hộ gia đình có máy tính và kết nối internet băng rộng.

- Phủ sóng phát thanh truyền hình đến 100% dân cư, đảm bảo 100% các hộ có thể thu, xem các chương trình truyền hình số bằng các phương thức khác nhau.

5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước thô: Lấy từ sông Mã tại khu vực trạm bơm Hoằng Khánh qua hệ thống kênh Nam.

- Nhà máy nước: Thôn Kim Tân 1 xã Hoằng Tiến: 1,0 ha;

- Phạm vi cấp nước: Địa bàn 8 xã: Xã Hoằng Tiến, Hoằng Thanh, Hoằng Ngọc, Hoằng Đông, Hoằng Phụ, Hoằng Trường, Hoằng Hải, Hoằng Yến.

Công suất:

- Giai đoạn I (đến 2020): 6.000 m3/ngđ

- Giai đoạn II (đến 2025): 15.000 m3/ngđ

- Giai đoạn III (đến 2030): 20.000 m3/ngđ

5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước bẩn riêng biệt.

- Xây dựng 3 khu xử lý nước thải, mỗi trạm có công suất 5.000 m3/ng.đ.

- Hệ thống thoát nước được phân làm 3 lưu vực chính.

Lưu vực 1: được giới hạn bởi phía Bắc tuyến đường 510B, tuyến Bắc Nam 9 và tuyến đường cảnh quan ven biển. Nước thải được thu gom và xử lý tại trạm xử lý số 1(dự kiến công suất 7.000 m3/ngđ) nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B, nguồn tiếp nhận kênh Trường Phụ.

Lưu vực 2: được giới hạn bởi phía Nam tuyến đường 510B, tuyến đường Bắc Nam 9, tuyến đường cảnh quan ven biển và tuyến đường Thịnh Đông kéo dài (xử lý nước thải cho các xã lân cận nằm ngoài khu vực lập quy hoạch). Nước thải được thu gom vả xử lý tại trạm xử lý số 2 (dự kiến công suất 4.000 m3/ngđ) nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B, nguồn tiếp nhận kênh Trường Phụ.

Lưu vực 3: được giới hạn bởi phía Nam tuyến đường Thịnh Đông kéo dài, tuyến đường cảnh quan ven biển, tuyến đường Hữu sông Cung và tuyến Bắc Nam 5. Nước thải được thu gom và xử lý tại trạm xử lý số 3 (dự kiến công suất 4.000 m3/ngđ) nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B, nguồn tiếp nhận sông Cung.

b) Vệ sinh môi trường (Rác thải, nghĩa trang):

- Thu gom, xử lý chất thải rắn:

+ Lượng rác thải của toàn khu: P = 64.8 tấn/ngày.

+ Rác thải của của đô thị dự kiến được vận chuyển và xử lý tại khu xử lý tập trung tại xã Hoằng Xuân theo định hướng quy hoạch vùng Thiệu Hóa đã được phê duyệt tại QĐ số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020.

+ Chất thải rắn nguy hại được thu gom riêng bằng xe chuyên dụng chuyển đến các lò đốt chất thải rắn nguy hại tập trung của huyện Hoằng Hóa. Chất thải rắn không nguy hại được thu gom và xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

- Nghĩa trang:

+ Khu nghĩa địa tập trung xây mới sử dụng cho toàn bộ 8 xã vùng biển tại khu vực xã Hoằng Ngọc trên cánh đồng giáp với sông Cung.

+ Dần đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ, xây dựng thành các công viên nghĩa trang, khi có nhu cầu sẽ chuyển đổi sang mục đích sử dụng đất khác cho đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sau khi Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa được thiết lập có ảnh hưởng đến phạm vi các dự án theo quy hoạch, UBND huyện Hoằng Hóa báo cáo UBND tỉnh thực hiện việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại vị trí thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H5.(2020)QDPD_QHC DT Hai Tien

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm